|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG --------**  Số: 10/2015/TT-BCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------------------------**  *Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2015* |

**THÔNG TƯ**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI VÀ THỜI HẠN**

**CỦA GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; thời hạn và mẫu của giấy phép hoạt động điện lực.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia các lĩnh vực hoạt động điện lực sau:

1. Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm:

a) Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tư vấn quy hoạch thủy điện;

b) Tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện; Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp;

c) Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện; Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

2. Phát điện.

3. Truyền tải điện.

4. Phân phối điện.

5. Bán buôn điện.

6. Bán lẻ điện.

7. Xuất, nhập khẩu điện.

**Điều 3. Trường hợp miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực**

1. Phát điện để tự sử dụng không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Phát điện có công suất lắp đặt dưới 50 kW để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn 50 kVA từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

4. Điều độ hệ thống điện quốc gia và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

**Điều 4. Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Giấy phép hoạt động điện lực chỉ cấp cho tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện đối với từng lĩnh vực được quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và tuân thủ quy định tại Thông tư này.

2. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho tổ chức, cá nhân để thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động điện lực sau: Tư vấn chuyên ngành điện lực, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và xuất, nhập khẩu điện.

3. Trước giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phân phối điện.

4. Giấy phép phát điện được cấp cho tổ chức để thực hiện hoạt động phát điện đối với từng nhà máy điện.

**Điều 5. Nguyên tắc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực**

1. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi trong trường hợp sau:

a) Đơn vị điện lực vi phạm Điều 37 Luật Điện lực;

b) Đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác;

c) Khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đơn vị điện lực vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi theo từng lĩnh vực, phạm vi hoạt động.

3. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

**Điều 6. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực**

Giấy phép hoạt động điện lực được cấp có thời hạn khác nhau cho các lĩnh vực hoạt động điện lực căn cứ vào phạm vi hoạt động, loại công trình điện, thời hạn đăng ký, năng lực, trình độ chuyên môn của đơn vị hoạt động điện lực nhưng không vượt quá thời hạn được quy định ở Bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực hoạt động điện lực** | **Thời hạn tối đa của giấy phép** |
| **1.** | **Tư vấn chuyên ngành điện lực** | 05 năm |
| **2.** | **Phát điện** |  |
| a) | Các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt | 20 năm |
| b) | Các nhà máy điện không thuộc danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt | 10 năm |
| **3.** | **Truyền tải điện** | 20 năm |
| **4.** | **Phân phối điện** | 10 năm |
| **5.** | **Bán buôn, bán lẻ điện** | 10 năm |
| **6.** | **Xuất, nhập khẩu điện** | 10 năm |

**Điều 7. Phạm vi hoạt động của giấy phép hoạt động điện lực**

1. Giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực có phạm vi hoạt động trong cả nước.

2. Giấy phép phát điện có phạm vi hoạt động cho từng nhà máy điện.

3. Giấy phép truyền tải điện, phân phối điện có phạm vi hoạt động trong phạm vi quản lý, vận hành lưới điện cụ thể.

4. Giấy phép bán buôn điện, bán lẻ điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi địa giới hành chính cụ thể.

5. Giấy phép xuất, nhập khẩu điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi cụ thể của điểm giao nhận điện năng.

**Điều 8. Phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực được sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực để phục vụ cho công tác thẩm định, cấp giấy phép, kiểm tra và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực. Việc thu, nộp và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

**Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

3. Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 7a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.

4. Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.

5. Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.

6. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phát điện**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

3. Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 7b tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

4. Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền.

5. Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền.

6. Bản sao Hợp đồng mua bán điện.

7. Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và cam kết của chủ đầu tư thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

8. Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

9. Bản sao quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

10. Bản sao biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông; biên bản nghiệm thu hoàn thiện kết nối tín hiệu với hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS của cấp điều độ có quyền điều khiển phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định.

11. Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, tuyến năng lượng; Bản đăng ký an toàn đập gửi cơ quan có thẩm quyền; phương án bảo đảm an toàn đập và bảo đảm an toàn vùng hạ du đập theo quy định; Báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

12. Bản sao biên bản nghiệm thu cuối cùng hoặc văn bản xác nhận đảm bảo điều kiện vận hành thương mại cho từng tổ máy.

13. Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện.

14. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép truyền tải điện, phân phối điện**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

3. Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 7b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

4. Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính do tổ chức đang quản lý vận hành hoặc chuẩn bị tiếp nhận theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

6. Bản sao Thỏa thuận đấu nối hoặc Hợp đồng đấu nối.

7. Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.

8. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bán buôn điện, bán lẻ điện.**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

3. Danh sách trích ngang cán bộ quản lý theo Mẫu 7b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp của người có tên trong danh sách.

4. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất, nhập khẩu điện**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

3. Bản sao Quyết định phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài, phương án đấu nối lưới điện đã được phê duyệt để mua, bán điện với nước ngoài.

4. Bản sao hợp đồng xuất, nhập khẩu điện hoặc bản sao văn bản đề nghị mua điện hoặc chấp thuận bán điện của phía nước ngoài.

5. Sơ đồ nguyên lý lưới điện liên quan đến điểm mua, bán điện và Quy trình phối hợp vận hành và xử lý sự cố lưới điện giữa bên mua điện và bên bán điện (nếu có).

6. Bản sao có chứng thực tài liệu thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy tại các trạm biến áp theo quy định.

7. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

**Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Chương II Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ có thể gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến qua trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ. Trong văn bản thông báo, phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan để hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu, các thông tin liên quan và trả lời bằng văn bản.

Trường hợp trong 60 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không bổ sung hồ sơ, trả lời bằng văn bản thì cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực.

5. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế nếu thấy tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp giấy phép có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép bổ sung điều kiện hoặc từ chối cấp giấy phép bằng văn bản trong đó phải nêu rõ lý do.

6. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp gồm 03 bản chính: 01 bản giao cho đơn vị được cấp giấy phép, 02 bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực.

7. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực được áp dụng như sau:

a) Đối với hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Điều này;

b) Đối với hồ sơ thực hiện trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Cục Điều tiết điện lực: Thực hiện theo hướng dẫn của Cục Điều tiết điện lực;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc cấp giấy phép thuộc thẩm quyền theo hình thức trực tuyến (nếu có) phù hợp với quy định tại Thông tư này.

8. Trước khi giấy phép hoạt động điện lực hết thời hạn sử dụng 60 ngày, đơn vị điện lực được cấp giấy phép có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại Khoản 1 Điều này và thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

**Điều 15. Trình tự thu hồi giấy phép hoạt động điện lực**

1. Trình tự ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

a) Trường hợp đơn vị điện lực vi phạm Điều 37 Luật Điện lực và cơ quan ra quyết định xử phạt là cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đồng thời với quyết định xử phạt vi phạm;

b) Trường hợp đơn vị điện lực vi phạm Điều 37 Luật Điện lực và cơ quan ra quyết định xử phạt không phải là cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm. Trường hợp không thu hồi, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm trả lời bằng văn bản (nêu rõ lý do) cho người ra quyết định xử phạt vi phạm;

c) Trường hợp đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị điện lực hoặc đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và các tài liệu liên quan, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đến đơn vị điện lực bị thu hồi giấy phép và các cơ quan, đơn vị liên quan; công bố thông tin thu hồi giấy phép trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực.

3. Trường hợp giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi theo từng lĩnh vực hoạt động hoặc phạm vi hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm yêu cầu đơn vị điện lực thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực phù hợp với quyết định thu hồi giấy phép theo từng lĩnh vực hoạt động hoặc phạm vi hoạt động.

4. Trường hợp đơn vị điện lực vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều 18 Thông tư này, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực.

**Chương IV**

**THẨM QUYỀN CẤP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

**Điều 16. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Bộ Công Thương cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với các lĩnh vực sau:

a) Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Hoạt động truyền tải điện;

c) Hoạt động xuất, nhập khẩu điện.

2. Cục Điều tiết điện lực cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với các lĩnh vực sau:

a) Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất từ 03 MW trở lên không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Hoạt động phân phối điện;

c) Hoạt động bán buôn điện;

d) Hoạt động bán lẻ điện;

đ) Tư vấn chuyên ngành điện lực.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với các lĩnh vực sau:

a) Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương;

b) Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương;

c) Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương;

d) Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm:

- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương;

- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép cho nhiều hoạt động trong lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, trong đó có ít nhất một hoạt động thuộc thẩm quyền của Cục Điều tiết điện lực thì giấy phép hoạt động điện lực cho các hoạt động này do Cục Điều tiết điện lực cấp.

**Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra và quản lý hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thực hiện đúng nội dung, trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Thông tư này.

2. Giải quyết các khiếu nại về giấy phép hoạt động điện lực theo thẩm quyền.

3. Kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện trong giấy phép hoạt động điện lực.

4. Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền theo trình tự quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đơn vị điện lực vi phạm quy định của pháp luật.

**Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Hoạt động điện lực theo đúng nội dung quy định trong giấy phép.

2. Đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở, loại hình hoạt động, phạm vi hoạt động, thời hạn của giấy phép.

3. Duy trì các điều kiện hoạt động điện lực đã đăng ký và được cấp phép trong suốt thời gian hoạt động.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nộp đầy đủ các loại phí và lệ phí có liên quan tới giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 60 ngày trước ngày ngừng hoạt động điện lực hoặc chuyển giao hoạt động điện lực.

7. Báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi địa chỉ trụ sở trong giấy phép hoạt động điện lực.

8. Không cho thuê, cho mượn, tự sửa chữa nội dung giấy phép hoạt động điện lực.

9. Chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng giấy phép và các điều kiện hoạt động đã đăng ký.

10. Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực về việc duy trì điều kiện hoạt động trong lĩnh vực được cấp phép của năm trước theo các Mẫu 8a, 8b, 8c và 8d quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Thực hiện công tác kiểm tra**

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước; giải quyết các vướng mắc và đề xuất các nội dung để báo cáo Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi quản lý; giải quyết các vướng mắc và kiến nghị Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

**Điều 20. Trách nhiệm thực hiện**

1. Cục Điều tiết điện lực là cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực và thực hiện trình tự thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Cục Điều tiết điện lực và Bộ Công Thương.

2. Sở Công Thương là cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực và thực hiện trình tự thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Đơn vị được cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm gửi bản sao Giấy phép hoạt động điện lực đã được cấp đến cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động điện lực tại địa phương để báo cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép.

4. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình cấp và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực tại địa phương của năm trước.

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 7 năm 2015. Thông tư số 25/2013/TT-BCT ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Các giấy phép hoạt động điện lực đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 25/2013/TT-BCT ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực và các Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy định điều kiện, trình tự và thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực, Quyết định số 15/2008/QĐ-BCT ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, trình tự và thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp tiếp tục có hiệu lực theo nội dung, thời hạn đã quy định trong giấy phép.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực để nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp./.

|  |
| --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Văn phòng Tổng bí thư; - Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ; - Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Công Thương; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Kiểm toán nhà nước; - Website: Chính phủ, Bộ Công Thương; - Tập đoàn Điện lực Việt Nam; - Lưu: VT, PC, ĐTĐL. |